

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

"HOÀ MÀ KHÔNG ĐỒNG"

TÔN TRỌNG TÍNH ĐA DẠNG VĂN HOÁ, ĐÓNG GÓP VÀO SỰ TIẾN BỘ CỦA VĂN MINH NHÂN LOẠI

VƯƠNG VINH HOA*

“**D**iển đàn Trung Quốc học thế giới” là một điển đàn khoa học lấy văn hoá làm chủ đề, là nơi giao lưu văn hoá nhằm làm phong phú và phát triển Trung Quốc học thế giới. Đồng thời cũng là nơi gặp gỡ tiếp xúc giữa văn hoá Trung Quốc với văn hoá thế giới.

“*Diễn đàn Trung Quốc học thế giới*” lấy quẻ “đồng nhân”⁽¹⁾ trong “Chu dịch” - một kinh điển cổ nhất của Trung Quốc làm biểu tượng của hội thảo thể hiện nguyện vọng văn hoá Trung Quốc hướng tới thế giới, giao lưu, hoà hợp, phát triển cùng các nền văn hoá khác nhau trên mọi miền thế giới. Đó là một ước vọng tốt đẹp sẽ đem tới cho nền văn hoá nhân loại, trong đó có nền văn hoá Trung Quốc một sức sống vô hạn.

Ba ngàn năm trước, tổ tiên của chúng tôi đã nhận thức được tầm quan trọng

của giao lưu văn hoá, bác bỏ tư tưởng hẹp hòi về văn hoá “đồng nhân ư tông”, đề cao “đồng nhân ư dã”⁽²⁾, nghĩa là phải ra khỏi cánh cửa tông tộc, hướng tới thế giới, phát triển văn hoá một cách đa dạng. Hai ngàn năm trăm năm trước, Khổng Tử đã dùng từ ngữ sinh động để diễn đạt rõ ràng hơn tư tưởng đó: “Có bạn từ nơi xa đến, lẽ nào lại không vui!”⁽³⁾.

Giao lưu học vấn với bạn từ xa tới, cảm thấy vui sướng, đó không những là một phương pháp học tập, mà còn là dịp mở rộng tâm mắt học thuật. Hôm nay, các học giả từ mọi nơi trên thế giới đến đây trao đổi về Trung Quốc học thế giới, đó là một sự kiện trọng đại của giới

* Viện trưởng Viện KHXH Thượng Hải. Báo cáo đề dẫn tại “*Diễn đàn Trung Quốc học thế giới*” lần thứ nhất, tổ chức tại Thượng Hải (Trung Quốc) ngày 20-8-2004.

học thuật, cũng là một niềm vui lớn trong cuộc đời chúng ta.

I

Trung Quốc học ra đời từ Hán học, nhưng khác với Hán học. Hán học là chỉ học giả nước ngoài nghiên cứu văn hoá cổ đại Trung Quốc, chủ yếu là các lĩnh vực lịch sử, ngôn ngữ, văn tự, triết học, nghệ thuật v.v... cổ đại Trung Quốc. Trung Quốc học bao hàm cả Hán học, nhưng phát triển ra phạm trù nghiên cứu Trung Quốc đương đại.

Mặc dù trong nghiên cứu Hán học của học giả nước ngoài có thể kéo dài tới Tống học ở Nhật Bản, cũng có thể bao gồm cả Hán học Rimatock (ở phương Tây - ND) đến cuối triều Minh, nhưng nghiên cứu Hán học ở phương Tây chủ yếu bắt đầu phát triển từ cận đại, còn nghiên cứu Trung Quốc học thì bắt đầu từ đương đại. Đó không chỉ là sự khác nhau về thời đại và sự khác nhau về nội dung mà còn có một ý nghĩa văn hoá sâu sắc. Nghiên cứu Hán học thời Tiên Tần là nghiên cứu về nền văn hoá cổ điển Trung Quốc đã cách xa ngày nay rất lâu. Còn Trung Quốc học ngày nay thì không chỉ bao gồm nghiên cứu văn hoá cổ điển Trung Quốc, mà quan trọng hơn là nghiên cứu về Trung Quốc cận đại và Trung Quốc đương đại. Nghiên cứu Trung Quốc học phát triển đến ngày nay đã trở thành một môn khoa học xã hội có tính chất tổng hợp với sự tham gia của các học giả Trung Quốc về sự thay đổi và phát triển của xã hội Trung Quốc.

Trung Quốc là một trong 4 nước lớn có nền văn minh cổ kính, cũng là một nước duy nhất có nền văn minh không hề bị gián đoạn qua mấy nghìn năm. Nền văn hoá độc đáo đó, bản thân nó là một báu vật hiếm có trong kho tàng văn minh thế giới, có một giá trị nghiên cứu đặc biệt. Đó là nguyên nhân giải thích vì sao ngay trong thời kỳ Trung Quốc suy yếu, Hán học vẫn được các học giả quốc tế coi trọng. Từ giữa thế kỷ XX, nhất là từ sau năm 1978, sự phát triển của Trung Quốc đã đạt được những thành tựu mà cả thế giới đều thán phục, sức mạnh tổng hợp và vị thế quốc tế không còn như thời cận đại nữa, việc nghiên cứu về Trung Quốc đương đại đã phát triển nhanh chóng, dần dần trở thành cao trào và đang có xu thế phát triển thành một môn khoa học quan trọng.

Các Thi, Thư, Lễ, Dịch, Tượng đời Tần, mộ đời Hán, Đường thi, Tống từ, bích hoạ Đôn Hoàng mà Hán học nghiên cứu có liên hệ nội tại gì với những đề tài mà Trung Quốc học tìm hiểu như phương Đông với phương Tây, nhà nước với xã hội, truyền thống với hiện đại, Trung Quốc với thế giới? Nội hàm xuyên suốt từ Hán học đến Trung Quốc học là văn hoá Trung Hoa. "Xưa nay mới, luôn luôn mới, mãi mãi mới" (nguyên văn: "Cẩn nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân"⁽⁴⁾). Đó là cái gốc để nền văn hoá Trung Hoa luôn đầy sức sống suốt 5 ngàn năm. Truyền thống không phải là cái chúng ta tùy tiện dựng lên để làm đối tượng khách quan. Truyền thống có khắp mọi nơi. Chúng ta đều đang sống

trong truyền thống. Sự phát triển của Trung Quốc ngày nay là có gốc rễ từ văn hoá truyền thống Trung Quốc. Với ý nghĩa đó, Hán học và Trung Quốc học, tuy tên gọi khác nhau, nhưng kỳ thực là một, nghĩa là nghiên cứu văn hoá Trung Quốc.

Chúng ta đang sống trong thời đại kinh tế toàn cầu hoá, văn hoá đa nguyên hoá. Trung Quốc đã gắn liền mật thiết với thế giới. Văn hoá Trung Quốc từ lâu đã là một bộ phận của văn hoá thế giới. Thế giới cần tiến lên, Trung Quốc cần phát triển, do vậy Trung Quốc học thế giới nhất định sẽ ngày càng phồn vinh. Vì lý do đó, chúng tôi dự định từ nay cứ 2 năm một lần sẽ tổ chức một Diễn đàn về Trung Quốc học thế giới.

II

Giao lưu văn hoá, đề cao “hoà mà không đồng”⁽⁵⁾. Giao tiếp giữa người với người nên lấy chữ hoà làm trọng (nguyên văn: Dĩ hoà vi quý). Vì “không đồng” nên mới cần giao lưu. Chỉ có thân thiện mới có thể hiểu nhau. Chữ “hoà” trong “hoà mà không đồng” biểu thị nguyên tắc trong giao tiếp giữa người với người; còn “không đồng” là thể hiện đặc điểm của sự giao lưu văn hoá.

Tư tưởng lý tính về “hoà mà không đồng” xuất phát từ cốt lõi văn hoá truyền thống Trung Quốc. Người đầu tiên đưa ra khái niệm triết học về “hoà” và “đồng” là Sử Bá thời Tây Chu. Ông nói: “Hoà mới sinh ra vạn vật, nếu đồng thì không tiếp tục được” (“Hoà thực sinh vật, đồng tắc bất kế”⁽⁶⁾). Vạn vật là do 5

yếu tố: kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ tạo thành. Các nguyên tố phối hợp với nhau một cách có trình tự trong một thể thống nhất, gọi là “hoà”. Suy rộng ra, những điệu nhạc du dương, những nét chữ bay bướm, những món ăn thơm ngon, đều là “hoà mà không đồng”, nghĩa là kết quả của sự thống nhất trong đa dạng. Lão Tử, nhà Triết học, nhà sáng lập Đạo gia thời Tiên Tần khi nói về sự sinh thành thế giới đã dùng một lý luận khác để nói lên cùng một đạo lý: “Vạn vật bế âm mà ôm dương, sinh ra khí gọi là hoà” (nguyên văn: “Vạn vật phụ âm như bao dương, xung khí dĩ vi hoà”⁽⁷⁾). Bản chất của “hoà” là “bế âm mà ôm dương”. Âm và Dương tồn tại trong một thể thống nhất không những không thể tiêu tan, mà còn có thể giữ được thể cân bằng. Đó là quy tắc tự nhiên.

Từ mấy ngàn năm nay văn hoá Trung Quốc luôn tuân theo nguyên tắc “hoà mà không đồng”. Chính nhờ vậy mà trải mấy ngàn năm nền văn hoá Hoa Hạ vẫn tồn tại và mới mẻ, trở thành một đóa hoa trong lịch sử văn hoá nhân loại.

Người Trung Quốc ngày nay tin tưởng rằng: sự tồn tại và phát triển của văn hóa nhân loại, không phải là nền văn hoá này tiêu diệt nền văn hoá khác như thế nào, mà nền văn hoá này ứng xử đúng đắn với nền văn hoá khác ra sao. Trong khi giao lưu có thể học tập lẫn nhau, bổ sung cho nhau, để cùng phát triển và để xác định lý do tồn tại của mình từ sự tồn tại của các nền văn hóa khác. Sự phát sinh và phát triển của văn hóa nhân loại cũng tuân theo quy luật tự

nhiên đó. Do vậy, chúng ta tôn trọng tính đa dạng của văn hoá, tôn trọng nền văn minh và lối sống muôn màu muôn vẻ mà nhân dân các nước đã tạo ra trong tiến trình lịch sử, làm cho các nền văn minh hoà hợp với nhau, chung sống hoà bình, cùng nhau phát triển, thúc đẩy tính đa dạng của thế giới, thực hiện sự tiến bộ chung của các nền văn minh và sự tiến bộ toàn diện của xã hội loài người.

Người Trung Quốc tin chắc rằng có thể gửi gắm hy vọng vào thế giới này, chính là vì người Trung Quốc tin chắc rằng nhân loại có thể “hoà mà không đồng”. Trong nhận thức tư tưởng mà người xưa để lại cho chúng tôi, khởi điểm của “hoà” là ở “nhân đồng thủ tâm, tâm đồng thủ lý”. Do vậy, những nhân vật khác nhau, những nhóm người khác nhau, những dân tộc khác nhau, những quốc gia khác nhau có thể tìm hiểu lẫn nhau, thông cảm với nhau, bằng thiện chí của mình để đáp lại thiện chí của người. Qua quá trình không ngừng vô tận làm theo chữ “hoà” chúng ta sẽ đạt tới mục tiêu cùng có lợi và một giá trị chung của nhân loại. Nhưng nguyên nghĩa của chữ “hoà” không phải là sự thống nhất tuyệt đối; không phải là biến muôn màu thành đơn điệu, không phải là cúi mình nghe theo người: Kêu gọi làm điều tốt và hưởng ứng làm điều tốt; kêu gọi và hưởng ứng như thế nào là xuất phát từ những chủ thể khác nhau, cùng có lợi cũng thuộc về những chủ thể khác nhau. Do vậy, nói “hoà” là một quá trình tiếp diễn vô tận, thì trong quá

trình đó vẫn tồn tại sự khác biệt giữa các cá thể, sự khác biệt giữa các dân tộc, sự khác biệt giữa các quốc gia, và do sự khác biệt đó mà sản sinh những tư tưởng khác nhau, những khuynh hướng khác nhau. Chỉ có dưới tiền đề “không đồng”, chữ “hoà” mới có nội dung chân chính và ý nghĩa chân chính, mới đi vào lòng muôn triệu con người và sống mãi với trời đất. Trong một xã hội quốc tế cùng xu thế đa nguyên, cái mà chúng ta cần là “hoà mà bất đồng”.

III

Giao lưu văn hoá, cốt ở tranh luận với nhau và tiếp xúc với nhau. Sự tiến bộ của văn hoá cần có sự thúc đẩy của tranh luận học thuật. Tranh luận học thuật là sự biểu đạt lý tính, là sự cọ xát trí tuệ. Không có tranh luận, học thuật sẽ không thể phát triển được, chất lượng của học thuật sẽ vì thế mà trở nên cū kỹ mà mục nát.

Có tranh luận, học thuật mới luôn có sức sống, sinh sôi nảy nở không ngừng. Có tranh luận, văn hóa nhân loại mới có động lực phát triển. Khổng Tử ngợi ca dòng nước suối “chảy suốt đêm ngày” như “dòng nhạc của người trí thức” (“trí gia nhạc thủy”⁽⁸⁾). Về lý lẽ dòng nước chảy bao giờ cũng trong, Vương Phu Chi nói rất hay: “Vẻ đẹp tự nhiên, nhờ chuyển động đổi thay mà trở thành tuyệt mỹ” (“Tự nhiên chi hoa, nhân lưu động sinh biến như thành kỳ lệ”⁽⁹⁾); trí tuệ của loài người là một “vẻ đẹp tự nhiên” như thế. Vẻ đẹp đó phải thực sự trở thành hoa thơm trái ngọt. Vẻ đẹp của trí tuệ là nhờ tranh luận tạo nên.

Đương nhiên, sự phát triển của văn hóa, học thuật nếu chỉ có tranh luận thì chưa đủ. Tranh luận là một biện pháp, là một kênh tiếp xúc. Mục đích cuối cùng của tranh luận là thúc đẩy sự hoà hợp với nhau. Tranh luận tạo cơ hội cho sự hoà hợp, có hoà hợp, tranh luận mới có ý nghĩa. Hoà hợp không phải là một bên nuốt chửng bên kia, mà là sự thăng hoa của tư tưởng, sự tiến bộ của văn hóa. Bách gia chư tử thời Tiên Tần tranh luận đã tạo ra đỉnh cao văn hóa cổ đại Trung Quốc. Sau cuộc tranh luận, vẫn là bách gia, nhưng trong tư tưởng của bách gia, đã là trong anh có tôi, trong tôi có anh, và đều có sự tiến bộ. Sự hoà hợp giữa Phật giáo Ấn Độ với văn hóa truyền thống Trung Quốc đã trở thành một kiểu mẫu hoà hợp giữa các nền văn hóa khác nhau trong lịch sử văn hoá nhân loại. Trong thời cận hiện đại, Tây học truyền sang phương Đông, dẫn tới cao trào tranh luận, sau mỗi lần tranh luận lớn, văn hóa Đông - Tây lại càng gần gũi nhau nhiều hơn. Trong quá trình tiếp xúc giữa hai nền văn hóa Đông - Tây, văn hóa của Thượng Hải đã có bước tiến bộ rõ nét. Mỗi cành cây ngọn cỏ của Thượng Hải đều là sự chứng kiến tranh luận và hoà hợp giữa văn hóa Trung Quốc và văn hóa phương Tây. Diễn đàn Trung Quốc học thế giới được tổ chức tại Thượng Hải, cũng là thành quả của cuộc tranh luận và hoà hợp giữa văn hóa Trung Quốc với văn hóa phương Tây trải qua mấy thế kỷ. Hướng tới thế giới với tư thế “cùng nhau tranh luận, cùng nhau hoà hợp” là một tất yếu lịch sử, cũng là đòi hỏi của thời đại.

IV

Giao lưu văn hoá, nên nêu cao tinh thần “học hỏi người hiền” (“Kiến hiền tu tề”⁽¹⁰⁾)

Người Trung Quốc thông qua giao lưu học thuật, hoà hợp với các trường phái học thuật khác nhau, với các nền văn hóa khác nhau là nhờ có một ý niệm truyền thống tốt đẹp: “Học hỏi người hiền”. Thấy người khác có ưu điểm, mong muốn mình cũng được như thế. Phát hiện khuyết điểm của người khác thì tự kiểm điểm lại mình. Quá trình giao lưu văn hoá là một quá trình phát hiện ưu điểm và khuyết điểm của đối phương. Trong quá trình đó, chỉ cần có tinh thần “học hỏi người hiền”, là có thể tỉnh táo coi đối phương là một tấm gương, học hỏi ưu điểm của người khác, tự kiểm điểm về thiếu sót của chính mình. “Học hỏi người hiền” là một ý niệm lý tính, đồng thời cũng là một tấm lòng. Có một tấm lòng như vậy thì giao lưu học thuật nhất định sẽ đạt hiệu quả, tinh thần “học hỏi lẫn nhau” sẽ trở thành tự giác trong giao lưu học thuật.

Hơn hai ngàn năm nay, văn hóa Trung Quốc luôn phải đối diện với các nền văn hóa khác. Trong sự gặp gỡ giữa các nền văn hóa, tinh thần “học hỏi người hiền” đã trở thành một ý niệm chung của nhân loại. Châu Á thế kỷ thứ VIII, Trưởng đoàn sứ giả Nhật Bản Tây du đến Trung Hoa, sau một thời gian dài ở lại Tràng An, cái mà họ mang về là tinh hoa của văn hóa Trung Quốc. Cùng thời gian đó, học giả Trung Quốc Huyền Trang đã Tây du vạn dặm, đến Ấn Độ

thỉnh kinh, mỗi dấu chân đi về đều mang tấm lòng “học hỏi người hiền”. Tinh hoa Phật giáo Ấn Độ từ đó hoà nhập vào văn hoá Trung Quốc. Khoảng giữa thế kỷ XIV và thế kỷ XV, người châu Âu dùng kỹ thuật in bản khắc chữ của Trung Quốc, từ đó các cổ bản, kinh thánh, và các sách chữ la - tinh lần đầu tiên trở thành ấn phẩm. Năm trăm năm sau, máy in của phương Tây đã thúc đẩy cao trào truyền bá tư tưởng bằng văn tự ở Trung Quốc. Tinh thần “học hỏi người hiền” thể hiện suốt trong quá trình truyền đi và truyền lại. Văn hoá ưu tú là kiệt tác của nhân loại. Người được hưởng lợi ích của văn hoá ưu tú là cả nhân loại. Học giả đời Thanh Diệp Nhiếp có câu nói rất hay: “Thơm đẹp một mình, không bằng thơm đẹp cùng mọi người” (“Cô phương độc mỹ, bất như tập chúng phương dĩ vi mỹ”⁽¹¹⁾)

Phương hướng của Diễn đàn Trung Quốc học thế giới, không chỉ là giới thiệu văn hóa Trung Quốc với thế giới, mà quan trọng hơn là làm cho văn hóa Trung Quốc hoà nhập vào văn hóa thế giới, đồng thời với việc đổi mới và hoàn thiện văn hóa Trung Quốc, thực hiện sự đổi mới và nâng cao nền văn hóa nhân loại.

V

Trên thế giới không có chiếc lá cây nào hoàn toàn giống nhau. Tính đa dạng của tự nhiên làm cho thế giới của chúng ta thiên hình vạn trạng, muôn màu muôn vẻ, làm cho nhà “kinh thư” Vương Nghĩa Chí của chúng tôi đã nói lên lời

cảm khái “Du ngoạn thoải mái, tràn đầy niềm vui mắt thấy tai nghe” (“Du mục sinh hoà, túc dĩ cực thị thính chi ngu”⁽¹²⁾)

Văn hóa cũng như vậy. Loài người nguyên thủy, tổ tông khác nhau, văn hóa đa nguyên là lẽ tự nhiên. Tính đa nguyên của văn hóa nhân loại, vừa là tạo hoá bởi hoàn cảnh địa lý, vừa là quy tụ của tinh thần dân tộc. Mỗi nền văn hóa đều có tính tất yếu tồn tại và phát triển, đều có bản sắc đậm đà. Những nền văn hóa đó là minh chứng cho sự tồn tại của nhân loại, cũng là dòng máu lưu truyền của nhân loại. Sự tồn tại các nền văn hóa khác nhau, cũng như sự tồn tại của các chủng tộc và dân tộc khác nhau là lẽ tự nhiên của trời đất, còn mãi với thời gian. Văn hóa truyền thống Trung Quốc là sự thể hiện tính đa dạng của văn hóa, có lịch sử lâu đời, đậm đà bản sắc.

Trong giới tự nhiên, người ta đã nếm trải hậu quả đắng cay ở những nơi sự cân bằng sinh thái bị phá hoại. Trong thế giới đời sống tinh thần của nhân loại, một khi tính đa dạng văn hóa bị phá hoại, cũng sẽ đem lại những hậu quả nghiêm trọng cho đời sống tinh thần của nhân loại. Sự tồn tại của nền văn hóa đa dạng, cũng như sự khác nhau của những chiếc lá cây, đều là sự thể hiện nguyên tắc phổ biến về tính khác biệt của thế giới, không thể thay đổi theo ý chí của bất cứ người nào. Giao lưu văn hóa giữa các khu vực, giữa các dân tộc, không những để tìm cái chung, tìm hiểu tính thống nhất của văn hóa nhân loại

mà còn để tìm cái riêng, tìm hiểu tính khác biệt giữa các nền văn hóa. Tìm cái chung để khai thông dòng chảy liên tục cho văn hóa, tìm cái riêng để mở rộng không gian phát triển cho văn hóa. Đối với phát triển văn hóa nhân loại, tìm cái riêng có ý nghĩa hơn tìm cái chung. Văn hóa truyền thống của bất cứ dân tộc nào, khu vực nào, chỉ cần tiến cùng thời đại, đều có thể tìm thấy chỗ đứng của mình trong sự phát triển của nền văn hóa thế giới, đều có mảnh trời riêng của mình.

VI

Trung Quốc có lịch sử lâu đời và nền văn minh cổ kính. Lịch sử và văn minh đã hun đúc nên tinh thần dân tộc của người Trung Quốc. Hơn 900 năm trước, Trương Tải đời Tống đã nói: “Lập tâm vì trời đất, lập mệnh vì dân chúng, kế thừa kiến thức của thánh hiền, tạo thái bình cho muôn đời sau” (“Vi thiên địa lập tâm, vi sinh dân lập mệnh, vi vãng thánh kế tuyệt học, vi vạn thế khai thái bình”⁽¹³⁾). Lời nói đó vừa là nói nguồn từ Tiên Tần vừa là mở đường cho muôn đời sau, thể hiện rất rõ ý thức trách nhiệm, ý thức văn hóa, ý thức dân bản, ý thức nhân loại và ý thức thái bình trong văn minh Trung Quốc. Đối với người Trung Quốc, tất cả những ý thức đó là tinh thần vĩnh cửu, truyền từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, từ đó mà người Trung Quốc gắn bó với nhau, truyền lại cho nhau.

Hơn 2000 năm nay, nền văn minh Trung Quốc thường phải đối diện với

các nền văn minh khác. Trong sự gặp gỡ giữa các nền văn minh, ý thức văn hoá, ý thức nhân loại và ý thức thái bình của người Trung Quốc đều dễ dàng hoá thành sự khoan dung và hoà bình cần thiết. Mỗi nền văn minh đều có những bước thăng trầm, nhưng khoan dung và hoà bình luôn là chủ lưu của văn minh Trung Quốc. Trong 100 năm cận đại bắt đầu từ giữa thế kỷ XIX, người Trung Quốc đã phải chịu sự đói nghèo khổ hạnh do ách áp bức cả bên trong lẫn bên ngoài. Trong quá trình đó, tinh thần quật khởi mãnh liệt tìm cách phục hưng dân tộc của các thế hệ người Trung Quốc đã hình thành và xuyên suốt 100 năm lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng. Nhưng so với sự cấp bách và mãnh liệt của tinh thần phục hưng dân tộc thì nền văn minh và văn hóa hun đúc từ 5000 năm xa rộng và sâu đậm hơn nhiều. Văn minh Trung Hoa đã nuôi dưỡng tinh thần phục hưng dân tộc trong 100 năm ấy, đồng thời cũng làm cho tinh thần phục hưng dân tộc ấy từ lúc bắt đầu đã có phẩm cách vượt lên trên sự hẹp hòi. Nhà thơ thuộc thế hệ sau cùng của đời Thanh là Hoàng Tôn Hiến đã nói: “Dòng nước biển cuộn cuộn chảy về phía Đông. Tất cả đều phải đổi mới để đi tới đại đồng” (“Thao thao hải thủy nhật xu đông, vạn pháp tông lân yêu đại đồng”⁽¹⁴⁾).

Câu trước ý nói văn minh phương Tây đang áp tới. Câu sau ý nói trong tấm lòng dân tộc có tấm lòng nhân loại. Dưới

ngòi bút của ông, tư tưởng phục hưng dân tộc rõ ràng gắn liền với ý thức trách nhiệm, ý thức nhân loại và ý thức thái bình trong văn hóa Trung Quốc, làm người đọc cảm nhận được âm hưởng từ ngàn xưa của nền văn minh cổ kính. Văn hoá và văn minh là dòng máu tinh thần của dân tộc; sự trong sáng và tính lạc quan trong trái tim người Trung Quốc mà nền văn hóa và văn minh đã để lại cho họ không bao giờ bị nhấn chìm trong mọi bước thịnh suy của thế cuộc.

Từ giữa những năm 70 và những năm 80 của thế kỷ trước tới nay, sự phát triển liên tục của xã hội Trung Quốc đã trải qua hơn 20 năm. Đó là một quá trình tự lập, cũng là một quá trình mở cửa và hợp tác. Người Trung Quốc đang đi ra thế giới, đồng thời đang lôi cuốn thế giới. Nhưng đi ra thế giới hay lôi cuốn thế giới, những cái truy cầu và những cái nhận được, không phải là những lợi ích hẹp hòi của Trung Quốc. Trong thế giới đa dân tộc và nhiều nền văn minh cùng tồn tại, chỉ có cùng nhau phát triển và phát triển một cách hoà bình mới có thể lâu bền được; chỉ có lợi ích chung và lợi ích của đa số mới là lợi ích lâu dài. Văn minh Trung Quốc tin ở cách ứng xử thiện chí giữa mình với người khác; “Để người khác có cái mình muốn có, làm cho người khác đạt tới cái mình muốn đạt tới”, “cái mình không muốn thì đừng đẩy cho người khác” (“Kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân”⁽¹⁵⁾ “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”⁽¹⁶⁾)

Diễn đàn Trung Quốc học thế giới đã khai mạc, cảm giác “vui mừng” đang rung động trái tim của chúng ta, ánh sáng của trí tuệ sẽ lan toả nơi đây.

(Người dịch: Nguyễn Huy Quý)

*
* * *

CHÚ THÍCH TRÍCH DẪN

1. “Chu dịch” Quái 13 (Đồng nhân).
2. “Chu dịch - Đồng nhân” Hào từ
62. “Đồng nhân ư tông, Lận” Quái từ: “Đồng nhân ư dã. Hanh. Lợi thiệp đại xuyên. Lợi quân tử tinh”.
3. “Luận ngữ. Học nhi”.
4. “Thương Thang”. “Bàn danh”. Xem Tăng Sâm (505-436 TCN): “Đại học”.
5. “Luận ngữ. Tử Lộ”.
6. “Quốc ngữ. Trịnh ngữ”.
7. “Lão Tử. Chương 42”.
8. “Luận ngữ Ung dã”.
9. Vương Phu Chi (1619-1692) “Thuyền sơn di thư. Cổ thi bình tuyển”.
10. “Luận ngữ. Lý nhân”.
11. Diệp Nhiếp (1627-1703): “Kỷ huê văn tập” Quyển 6.
12. Vương Nghĩa Chi (303-361) “Lan đình tập tự”.
13. Trương Tải (1020-1077): “Trương tử toàn thư”.
14. Hoàng Tôn Hiến (1848-1905) “Nhân cảnh Lư thi thảo”.
15. “Luận ngữ. Ung dã”.
16. “Luận ngữ. Nhan Uyên”.